TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 95 /2019/DS– ST
Ngày: 25/10/2019
V/v"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HOÀ, TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đào Thị Ngâm và ông Hà Trọng Khá;

Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Lệ Siêng – Thư ký Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Nguyễn Thị Tú Vương– Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tuy Hoà, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 202/2013/TLST – DS ngày 1/4/2013 về "tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2019/QĐXXST – DS ngày 9/9/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Thanh S – sinh năm 1964; Địa chỉ: đường T, phường M, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Hoặc đường L, phường H, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Bà Đặng Thị Minh T – sinh năm 1965; Địa chỉ: Khu phố N, phường 9, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

NLQ1 – sinh năm 1982; Địa chỉ: thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NLQ2, sinh năm 1991; địa chỉ: khu phố N, phường 9, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn Hồ Thị Thanh S trình bày: ngày 27/12/2017, bị đơn Đặng Thị Minh T đã mua của nguyên đơn 01 chiếc xe gắn máy biển kiểm soát G1-06nnn, số máy 230621, số khung 230621, còn nợ lại số tiền 8.500.000 đồng. Bị đơn hẹn đến ngày 27/3/2012 trả, thỏa thuận lãi 2%/tháng, lãi quá hạn 3%/tháng. Nhưng cho tính đến ngày 27/11/2012, bị đơn chỉ trả được một số tiền gốc và lãi và còn nợ lại 6.500.000 đồng tiền gốc; Khi mua xe, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ2 là người bảo lãnh cho bị đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ gốc và lãi tính theo quy định pháp luật.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ2 vắng mặt nên không trình bày ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ1 trình bày:Ông là nhân viên của Doanh nghiệp TS chuyên về mua bán xe máy trả góp từ tháng 4/2007 đến tháng 4/2012, được bà Hồ Thị Thanh S ủy quyền đứng tên trên các Giấy đăng ký xe cho khách hàng mua xe trả góp, khi khách hàng trả xong tiền góp xe thì ông sẽ liên hệ Phòng Cảnh sát giao thông sang nhượng tên xe cho khách chứ ông không phải là chủ sở hữu các xe mô tô ở Doanh nghiệp tư nhân TS bán cho khách hàng (Giấy tờ gốc đều do bà S giữ).

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 93, 95, 96 BLTTDS, Điều 1 thông tư 75/2011/TT-BCA bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ mua xe máy trả góp, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Tuy Hoà theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn Hồ Thị Thanh S có đơn yêu cầu Tòa xét xử vắng mặt; bị đơn và những người có nghĩa vụ liên quan được triệu

tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên căn cứ các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Theo đơn khởi kiện ngày 15/2/2013, nguyên đơn Hồ Thị Thanh S yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trả số tiền 6.500.000 đồng gốc và tiền lãi theo lãi xuất 1,125% từ ngày 27/11/2012 đến khi trả xong nợ căn cứ vào giấy cam kết nhận nợ mua xe máy ngày 27/02/2012 đối với chiếc xe gắn máy biển kiểm soát 78G1-06nnn, số máy 230621, số khung 230621. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ gốc và lãi tính theo quy định pháp luật. Kèm theo đơn khởi kiện ngày 15/2/2013 là bản gốc giấy cam kết nhận nợ mua xe máy ngày 27/02/2012 có nội dung bị đơn mua xe biển kiểm soát G1-06nnn, số máy 230621, số khung 230621, tổng số tiền còn nợ lại là còn nợ lại số tiền 8.500.000 đồng, bị đơn hẹn đến ngày 27/3/2012 trả, thỏa thuận lãi 2%/tháng, lãi quá hạn 3%/tháng. Bị đơn và người có nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên không có lời trình bày, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa không tiến hành hòa giải được.

[2.1] Tại Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của Công an thành phố Tuy Hòa ngày 29/10/2018 cung cấp thông tin về chiếc xe bị đơn đã mua của nguyên đơn có biển số 78G1-06nnn, kèm tài liệu xác định xe 78G1-06nnn do ông NLQ1 đứng tên chủ sở hữu. Theo các tài liệu trong quá trình giải quyết vụ án, ông NLQ1 thừa nhận ông là nhân viên của bà S được bà S ủy quyền đứng tên trên các Giấy đăng ký xe bán cho khách hàng. Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa đã ra Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ đối với nguyên đơn về việc cung cấp bản gốc Hợp đồng mua bán xe máy nhưng nguyên đơn không cung cấp. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy đủ căn cứ xác định bị đơn có mua của nguyên đơn Hồ Thị Thanh S 01 chiếc xe máy có biển số 78G1-06nnn, số máy 230621, số khung 230621 (đứng tên NLQ1) và còn nợ lại 6.500.000 đồng nên cần buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền gốc 6.500.000 đồng.

[3] Đối với yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật: Tại giấy cam kết nhận nợ mua xe máy ngày 27/02/2012, các bên thỏa thuận lãi 2%/tháng, lãi chậm trả bằng 3%/tháng, áp dụng các quy định tại các Điều 438, Điều 476 BLDS 2005 thì thỏa thuận này là vượt quá quy định tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 là 9%/năm nên Hội đồng xét xử chấp nhận tính lãi bằng 150% mức lãi cơ bản là 1.125%/tháng. Tại đơn khởi kiện ngày 15/2/2013, nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 27/11/2012, do đó Hội đồng xét xử xác định lãi chậm trả tính từ ngày 27/11/2012 đến ngày xét xử sơ thẩm 25/10/2019 là 06 năm 10 tháng 28 ngày

x 6.500.000 đồng x 1.125%/tháng = 6.064.500 đồng. Tổng cộng gốc và lãi bị đơn Đỗ Thị Thu Thủy phải trả cho nguyên đơn Hồ Thị Thanh S là 12.564.500 đồng.

[4] Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bà NLQ2 có trách nhiệm cùng bị đơn trả số nợ mua xe. Xét thấy tại Hợp đồng trả góp xe gắn máy ngày 21/5/2013, bà NLQ2 ký tên tại mục người bảo lãnh nên đã phát sinh nghĩa vụ của người bảo lãnh. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc người bảo lãnh NLQ2 thực hiện nghĩa vụ của mình.

[6]Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 BLTTDS, Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí Toà án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các các Điều 428, 431, 432, 438, 439, 461, 305 BLDS 2005;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Hồ Thị Thanh S, buộc bị đơn Đặng Thị Minh T phải trả cho nguyên đơn Hồ Thị Thanh S tiền nợ mua xe máy là 12.564.500 đồng (trong đó tiền gốc 6.500.000 đồng, tiền lãi 6.064.500 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức là ngày 26/10/2019) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS 2015.

Trong trường hợp bị đơn Đặng Thị Minh T không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan NLQ2 có trách nhiệm trả hết số nợ hoặc số nợ còn lại thay cho Đặng Thị Minh T.

Sau khi bị đơn Đặng Thị Minh T trả hết nợ và có yêu cầu chuyển quyền sở hữu xe mô tô biển số 78G1-06nnn thì nguyên đơn Hồ Thị Thanh S, ông NLQ1 phải có trách nhiệm hoàn tất các thủ tục chuyển quyền sở hữu cho bị đơn.

Về án phí: Bị đơn Đặng Thị Minh T phải chịu 628.000 đồngán phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn Hồ Thị Thanh S không phải chịu án phí dân sự nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 167.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 10520 ngày 26/3/2013 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
-VKSND thành phố Tuy Hòa
-TAND tỉnh Phú Yên
-Các đương sự
-Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thúy Hằng